

**Bản án số: 49/2021/HNGĐ - ST**

**Ngày 19-02-2021**

“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Cán bộ hưu trí phường B, thành phố L

2. Ông Lê Thành Thật

Phó chủ tịch HĐND phường M, thành phố L

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Đình H, sinh năm 1982. Có mặt

Địa chỉ: Số 337/17, ấp T, thị trấn P, huyện S, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị A, sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Số 462A/24, khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Lê Đình H trình bày:

Năm 2016, ông Lê Đình H và bà Trần Thị A quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, cả hai đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L ngày 07/11/2017, đây là hôn nhân lần thứ hai của ông H và lần thứ nhất của bà A. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình cả hai không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu và tin tưởng nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà A. Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Đình T, sinh ngày 14/11/2017, hiện con chung đang do bà A chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 18/01/2021, bị đơn Trần Thị A trình bày:

Bà và ông H quen biết, tìm hiểu và tổ chức lễ cưới ngày 02/02/2015 nhưng đến ngày 07/11/2017 thì cả hai mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L. Sau kết hôn, bà A nhận thấy ông H không có trách nhiệm với gia đình, luôn so đo tính toán trong các mối quan hệ nên hôn nhân không hạnh phúc. Khoảng tháng 10/2020, bà bế con về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên việc ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đồng ý; Về con chung: Thống nhất với ông H có 01 con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 14/11/2017, hiện bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi con; Về cấp dưỡng: Yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn; Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn đều yêu cầu được nuôi con chung; Về cấp dưỡng: Ông H không yêu cầu bà A Khắc cấp dưỡng nuôi con, riêng bà A Khắc yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000đ và được ông H đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai thống nhất không có tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại

phường B, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy trích lục kết hôn số 759/TLKH.BS ngày 07/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn, bị đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để hàn gắn quan hệ vợ chồng, cùng chăm lo cho con chung nhưng cả hai thống nhất ly hôn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có thống nhất có 01 con chung Lê Đình Thiên Ân, sinh ngày 14/11/2017. Nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xét thấy, con chung đang được bị đơn Trần Thị A chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 10/2020 đến nay. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập cá nhân của bị đơn (làm việc tại Công ty cổ phần N, thu nhập hàng tháng trên 5.000.000đ theo sổ phụ tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh An Giang) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị đơn được quyền trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn cùng các thành viên gia đình của bị đơn không được cản trở nguyên đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và được nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Như vậy, nguyên đơn phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đình T hàng tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (19/02/2021) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên không xét đến.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 266, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Lê Đình H và bị đơn Trần Thị A.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Đình T, sinh ngày 14/11/2017.

Bà A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà A và ông H có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Công nhận sự thỏa thuận cấp dưỡng giữa ông H và bà A. Ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lê Đình T hàng tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (19/02/2021) cho đến khi con chung thành niên, khỏe mạnh.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm

Nguyên đơn Lê Đình H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007429 ngày 31/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Ông H đã thực hiện xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn Lê Đình H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp.L;
- VKSND Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- **UBND phường B, Tp.Long Xuyên;**
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Nam**